

MỘT SỐ CHỦ ĐỀ ĐANG NỔI TRONG VĂN HỌC KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG ĐÔNG Á ĐƯƠNG ĐẠI

Nguyễn Phương Khánh^{*1}, Trần Thị Ngọc Hà² và Đặng Nam Khang³

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Phương Khánh, e-mail: npkhanh@ued.udn.vn

Ngày nhận bài: 17/3/2026. Ngày sửa bài: 1/4/2026. Ngày nhận đăng: 25/4/2026.

Tóm tắt. Bài viết hướng đến việc nhận diện những chủ đề nổi bật trong văn học khoa học viễn tưởng Đông Á đương đại thông qua phân tích liên ngành các tác phẩm tiêu biểu từ Đài Loan - Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc. Nghiên cứu chỉ ra bốn trục quan tâm chính: khủng hoảng sinh thái trong bối cảnh hậu công nghiệp, sự xuất hiện của cơ thể lai ghép, sự mở rộng của xã hội giám sát dữ liệu và hình tượng robot, AI không chỉ gợi mở khả năng nhân hóa công nghệ mà còn phơi bày cảm thức cô đơn của con người hiện đại. Bằng cách so sánh với truyền thống khoa học viễn tưởng phương Tây, bài viết làm nổi bật những lo âu xã hội đặc trưng của bối cảnh Đông Á, đồng thời mở ra những suy tư phê phán về giới hạn sinh thái, đạo đức và nhân văn của tiến bộ khoa học. Qua đó, bài viết nhận định rằng khoa học viễn tưởng Đông Á đang trở thành một không gian tưởng tượng quan trọng để các xã hội trong khu vực đối diện và thương thảo với những biến động của thời đại công nghệ.

Từ khóa: văn học khoa học viễn tưởng Đông Á, khủng hoảng sinh thái, kiểm soát kí ức, giám sát dữ liệu, hậu nhân luận.

EMERGING THEMES IN CONTEMPORARY EAST ASIAN SCIENCE FICTION

Nguyen Phuong Khanh^{*1}, Tran Thi Ngoc Ha² and Dang Nam Khang³

The University of Science and Education, Danang University, Danang, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Phuong Khanh, e-mail: npkhanh@ued.udn.vn

Received March 17, 2026. Revised April 1, 2026. Accepted April 25, 2026.

Abstract. This article identifies key thematic trends in contemporary East Asian science fiction through an interdisciplinary analysis of representative works from Taiwan - China, Japan, South Korea. It outlines four major thematic axes: ecological crises in post-industrial contexts; the emergence of posthuman bodies; the expansion of data-driven surveillance; and the figure of robots and AI, which not only anthropomorphize technology but also expose a deepening sense of loneliness in modern life. By contrasting these themes with Western science fiction traditions, the study highlights the distinctive socio-cultural anxieties of East Asian societies while opening up critical reflections on the ecological, ethical, and human limits of scientific progress. The article argues that East Asian science fiction is becoming an important imaginative space through which societies in the region confront and negotiate the transformations of the technological age.

Keywords: East Asian science fiction, ecological crisis, memory control, data surveillance, posthumanism.

1. Mở đầu: Sự trỗi dậy của “science fiction” Đông Á trong bối cảnh toàn cầu hoá

Trong những thập niên gần đây, văn học khoa học viễn tưởng (science fiction hay sci-fi) Đông Á đã trở thành một trong những hiện tượng nổi bật của văn học đương đại trên phạm vi

toàn cầu. Từ các tác phẩm của những nhà văn Trung Quốc như Liu Cixin (Lư Từ Hân), Chen Qiufan hay Hao Jingfang, Project Itoh, Yoko Ogawa, Yoko Tawada ở Nhật Bản, một số tên tuổi Bora Chung, Djuna, Silvia Park của Hàn Quốc, đến các sáng tác của Chi Ta-wei, Wu Ming-Ji ở Đài Loan (Trung Quốc), khoa học viễn tưởng của khu vực này ngày càng thu hút sự quan tâm của độc giả và giới nghiên cứu quốc tế. Nhiều tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, giành các giải thưởng văn học lớn và được chuyển thể thành phim hoặc các sản phẩm truyền thông đại chúng, qua đó góp phần đưa sci-fi Đông Á trở thành một bộ phận quan trọng của văn học thế giới đương đại. Sự phát triển mạnh mẽ này không chỉ phản ánh sự gia tăng của thị trường văn hóa và công nghiệp sáng tạo trong khu vực, mà còn cho thấy vai trò của khoa học viễn tưởng như một diễn ngôn văn hóa để suy tư về những biến đổi sâu sắc của xã hội công nghệ.

Xét góc rẽ cho vấn đề này thì có thể thấy, bối cảnh xã hội của Đông Á trong vài thập niên qua đã tạo nên những điều kiện đặc biệt cho sự phát triển của văn học khoa học viễn tưởng. Nhiều quốc gia trong khu vực đã trải qua quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa với tốc độ rất nhanh, đồng thời trở thành những trung tâm công nghệ hàng đầu của thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản. Tuy nhiên, sự phát triển này cũng kéo theo hàng loạt vấn đề xã hội và môi trường phức tạp: khủng hoảng sinh thái trong bối cảnh hậu công nghiệp, sự gia tăng của rác thải công nghệ, sự mở rộng của các hệ thống dữ liệu lớn và giám sát kỹ thuật số, cũng như những biến đổi sâu sắc trong nhận thức về cơ thể và bản sắc con người dưới tác động của công nghệ sinh học và trí tuệ nhân tạo. Trong bối cảnh đó, sci-fi không chỉ đóng vai trò như một thể loại văn học tưởng tượng về tương lai, mà còn trở thành một không gian thẩm mỹ – tư tưởng để chất vấn những hệ quả của tiến trình hiện đại hóa công nghệ. Thông qua những hình tượng và kịch bản giả tưởng, các nhà văn sci-fi Đông Á đã phản ánh những lo âu xã hội, đồng thời mở ra những suy tư phê phán về giới hạn sinh thái, đạo đức và nhân văn của tiến bộ khoa học.

Trong nghiên cứu quốc tế, khoa học viễn tưởng Đông Á ngày càng thu hút sự quan tâm của các học giả trong lĩnh vực văn học so sánh và nghiên cứu văn hóa. Một số công trình đã tiếp cận sci-fi từ góc độ lý thuyết thể loại và mỹ học khoa học viễn tưởng, chẳng hạn trong *The Seven Beauties of Science Fiction* (Csicsery-Ronay, 2008) hay tuyển tập nghiên cứu *The Routledge Companion to Science Fiction* (Bould & Butler, 2009), sci-fi được xem như một diễn ngôn văn hóa phản tư về khoa học và hiện đại tính. Các nghiên cứu gần đây cũng mở rộng sang bối cảnh Đông Á, tiêu biểu như Seo-Young Chu, người xem khoa học viễn tưởng như một hình thức nhận thức văn hóa đặc thù có khả năng biểu đạt những thực tại phức tạp của xã hội công nghệ (Chu, 2010). Trong khi đó, tuyển tập *Techno-Orientalism: Imagining Asia in Speculative Fiction, History and Media* do Roh, Huang và Niu (2015) biên tập đã phân tích cách các tưởng tượng về công nghệ và tương lai gắn với hình ảnh Đông Á trong văn hóa toàn cầu (Roh et al., 2015). Các nghiên cứu về sci-fi Trung Quốc và Đông Á gần đây, như Hua Li (2021) hay Holger Briel (2024), cũng nhấn mạnh rằng sự phát triển của sci-fi trong khu vực gắn chặt với quá trình hiện đại hóa công nghệ, toàn cầu hóa và những biến đổi về bản thể con người trong kỉ nguyên hậu nhân bản. Bên cạnh đó, các lý thuyết hậu nhân luận đã cung cấp nền tảng quan trọng để phân tích những hình tượng cơ thể hậu nhân và mối quan hệ mới giữa con người, công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong văn hóa đương đại (Hayles, 1999; Wolfe, 2010). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay thường tập trung vào từng quốc gia hoặc một số trường hợp cụ thể, trong khi các khảo sát mang tính tổng hợp về những xu hướng chủ đề nổi bật của khoa học viễn tưởng Đông Á đương đại vẫn còn tương đối hạn chế.

Xuất phát từ bối cảnh đó, bài viết này nhằm khảo sát và phân tích một số chủ đề nổi bật trong khoa học viễn tưởng Đông Á đương đại. Thông qua việc phân tích một số tác phẩm tiêu biểu của các tác giả Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản và Hàn Quốc, bài viết tập trung vào bốn hướng quan tâm chính đang nổi lên trong dòng văn học này: (1) khủng hoảng sinh thái và những hệ quả của xã hội hậu công nghiệp; (2) sự xuất hiện của cơ thể hậu nhân và các hình thức lai ghép giữa con người và công nghệ; (3) sự mở rộng của xã hội giám sát dữ liệu và sự kiểm soát kỉ ức; và (4) viễn

tưởng nhân hoá công nghệ và nỗi cô đơn bản thể. Bằng cách đặt các tác phẩm văn học trong mối liên hệ với những biến đổi xã hội và công nghệ của khu vực, bài viết lập luận rằng khoa học viễn tưởng Đông Á không chỉ phản ánh những lo âu xã hội của các xã hội công nghệ cao, mà còn hoạt động như một “phòng thí nghiệm tưởng tượng”, nơi các nhà văn thử nghiệm những kịch bản khác nhau về tương lai của con người trong kỉ nguyên công nghệ. Các tác phẩm được lựa chọn để phân tích sâu (như *Waste Tide* - Chen Qiufan, *The Membranes* - Chi Ta-wei, *Luminous* - Silvia Park, *Kết tinh thâm lặng* - Yoko Ogawa, *Người mắt kép* - Wu Ming-Yi, *Khu rừng đen tối* - Lưu Từ Hân, *Con thỏ nguyên rùa* – Chung Bora...) đều là những trường hợp khá điển hình, phản ánh rõ nét bốn chủ đề chính muốn khảo sát, đồng thời đại diện cho bốn quốc gia/ vùng lãnh thổ trong khu vực Đông Á. Các tác giả, tác phẩm nói trên về hầu hết đều đã xuất hiện ở Việt Nam thông qua các bản dịch Việt ngữ.

Qua việc nhận diện các chủ đề này, bài viết góp phần làm rõ vai trò của khoa học viễn tưởng Đông Á như một không gian văn hóa quan trọng để suy tư về các vấn đề trung tâm của thời đại, từ khủng hoảng sinh thái đến biến đổi bản thể con người trong bối cảnh hậu nhân loại. Đồng thời, nghiên cứu cũng cho thấy rằng những tưởng tượng về tương lai trong sci-fi Đông Á thường gắn chặt với các trải nghiệm lịch sử và xã hội đặc thù của khu vực, qua đó tạo nên những cách tiếp cận khác biệt so với nhiều truyền thống khoa học viễn tưởng phương Tây.

2. Một số chủ đề nổi bật trong sci-fi Đông Á: những không gian chất vấn thời đại

2.1. Khủng hoảng sinh thái và những hệ quả của xã hội hậu công nghiệp

Trong những thập niên gần đây, một trong những chủ đề nổi bật của khoa học viễn tưởng Đông Á là khủng hoảng sinh thái trong bối cảnh xã hội hậu công nghiệp. Nếu trước đây khoa học viễn tưởng thường tập trung vào những tưởng tượng về tiến bộ khoa học và viễn cảnh công nghệ, thì nhiều tác phẩm đương đại của khu vực lại chuyên trọng tâm sang những hệ quả môi trường và xã hội do chính tiến bộ ấy tạo ra. Điều này phản ánh sự thay đổi trong nhận thức của con người về mối quan hệ giữa công nghệ, môi trường và sự phát triển của nền văn minh hiện đại.

Thực tế xã hội của Đông Á đã cung cấp một bối cảnh đặc biệt cho những suy tư này. Trong vài thập niên qua, khu vực này đã trở thành một trong những trung tâm sản xuất và tiêu dùng thiết bị điện tử lớn nhất thế giới. Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Đài Loan đều đóng vai trò quan trọng trong chuỗi sản xuất công nghệ toàn cầu, đồng thời cũng phải đối mặt với những hệ quả môi trường nghiêm trọng của quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng. Khối lượng rác thải điện tử ngày càng gia tăng tại khu vực đã thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách, đặc biệt tại những địa điểm như thị trấn Guiyu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc – nổi tiếng là một trong những bãi rác thải điện tử lớn nhất thế giới.

Lấy cảm hứng từ thực tế Guiyu, tiểu thuyết *Thủy triều rác* (*Waste Tide*, 2013) của Chen Qiufan lấy bối cảnh một hòn đảo hư cấu tên là Silicon Isle - một đảo rác nơi con người, máy móc và kim loại độc hại hòa trộn thành một sinh quyển độc hại. Trong thế giới ấy, rác thải điện tử không chỉ là tàn dư của sản xuất mà trở thành một phần của hệ sinh thái mới, có khả năng tái tạo và biến dị. Bằng cách kết hợp các yếu tố sinh học, kĩ thuật số và môi trường, Chen Qiufan đã tái định nghĩa mối quan hệ giữa công nghệ và tự nhiên: công nghệ không còn là công cụ cải thiện môi trường sống mà trở thành nguồn phát sinh những khủng hoảng sinh thái mới. Bộ *Tam thể* nổi tiếng của Lưu Từ Hân lấy chủ đề vũ trụ nhưng cũng bắt đầu với khủng hoảng môi trường và sự thất vọng với văn minh nhân loại. Abe Kobo viết *Kỷ băng hà trung gian 4* (*Inter Ice Age 4*, 1959) đặt ra một viễn cảnh sớm về khủng hoảng sinh thái toàn cầu, khi một siêu máy tính dự đoán hiện tượng băng tan và mực nước biển dâng sẽ khiến nhiều khu vực trên Trái Đất bị nhấn chìm.

Trong tiểu thuyết *Hiển dạng sứ* (2014) của Yoko Tawada, Nhật Bản tương lai được khắc họa sau những biến động môi trường nghiêm trọng: nhiều loài động vật biến mất, thiên nhiên trở nên bất ổn, và ngay cả cấu trúc sinh học của con người cũng đảo lộn – người già ngày càng khỏe mạnh

và sống lâu, trong khi trẻ em lại mong manh, bệnh tật. Sự đảo ngược ấy tạo nên một thế giới vừa quen thuộc vừa dị thường, nơi trật tự tự nhiên dường như đã rạn vỡ. Đến *Rái rác khắp nơi trên mặt đất* (2018), Yoko Tawada tiếp tục khắc họa viễn cảnh phản địa đàng được mở rộng ra quy mô toàn cầu khi Nhật Bản bị nhấn chìm dưới đại dương, khiến nhân vật Hiruko trở thành kẻ lưu vong không chỉ về địa lí mà còn về ngôn ngữ; tiếng mẹ đẻ của cô dần mất ý nghĩa khi không còn cộng đồng nào cùng chia sẻ. Trong hành trình lang thang qua nhiều vùng đất, Hiruko chứng kiến một thế giới nơi hệ sinh thái biến đổi, nhiều loài sinh vật biến mất và đời sống con người bị chi phối bởi những hậu quả lâu dài của biến đổi khí hậu.

Tiểu thuyết *Người mất kếp* (2011) của nhà văn Đài Loan Wu Ming-Yi mô tả một đảo rác khổng lồ trôi trên Thái Bình Dương, biểu tượng cho khủng hoảng sinh thái toàn cầu. Trong tác phẩm, rác thải và ô nhiễm không chỉ là bối cảnh mà trở thành lực lượng định hình trải nghiệm của các nhân vật, phản ánh vòng tuần hoàn sản xuất – tiêu dùng – thải bỏ của xã hội hiện đại: “Hòn đảo mệnh mông vô biên, không phải được hình thành từ đất, mà từ vô số những thứ kỳ quặc với vô số kiểu dáng và vô số màu sắc khác nhau trộn lẫn, một mùi kỳ quái bao phủ cả hòn đảo [...] những chiếc túi nhiều màu sắc ở khắp mọi nơi trên đảo [...] chúng còn bền bỉ hơn cả đá trước thử thách của thời gian” (Wu, 2021, pp. 37–38). *Những lớp màng* (*The Membranes*, 1995) của Chi Ta-wei cũng kết hợp các chủ đề khủng hoảng môi trường, công nghệ sinh học và bản thể hậu nhân loại. Bối cảnh của tiểu thuyết diễn ra trong một tương lai nơi Trái Đất bị ô nhiễm nghiêm trọng, tầng ozone bị phá hủy khiến bức xạ mặt trời trở nên nguy hiểm; vì vậy con người buộc phải rời khỏi bề mặt và xây dựng các thành phố dưới đáy đại dương.

Nhìn chung, những tác phẩm khoa học viễn tưởng Đông Á đương đại chia sẻ một mạch tư tưởng chung: sự bất an sinh thái trước sự sụp đổ của niềm tin tuyệt đối vào tiến bộ công nghệ. Trong thế giới của các tác phẩm này, “tiến bộ” không còn đồng nghĩa với cứu rỗi mà thường xuất hiện như một vòng lặp tự hủy, nơi con người, vật chất và môi trường đều bị cuốn vào dòng chảy của chất thải công nghệ. Chính sự đan xen giữa hiện thực công nghiệp và tưởng tượng khoa học viễn tưởng đã khiến sci-fi Đông Á trở thành một tấm gương phản chiếu những khủng hoảng sinh thái của thời đại công nghệ. Điều này cũng khiến cách sci-fi Đông Á hình dung thảm họa sinh thái có một số đặc trưng khá khác với nhiều truyền thống sci-fi phương Tây. Trong nhiều tác phẩm Đông Á, môi trường bị hủy hoại không phải do một sự kiện tận thế bất ngờ, mà là hệ quả tích lũy của quá trình phát triển kinh tế hậu công nghiệp (ô nhiễm môi trường, rác thải công nghiệp...).

Trong nhiều tác phẩm phương Tây, sự sụp đổ sinh thái thường xuất hiện như một điểm gãy đột ngột của lịch sử, nội dung hướng đến chủ đề sinh tồn hoặc tái sinh hậu tận thế. Chẳng hạn, trong *Oryx and Crake* của Margaret Atwood (2003), một nhà khoa học phát tán loại virus được tạo ra trong phòng thí nghiệm, khiến phần lớn nhân loại tuyệt chủng chỉ trong thời gian ngắn, từ đó mở ra thế giới hậu tận thế nơi con người phải đối diện với những sinh vật biến đổi gen. Tương tự, *Cha và con* (*The Road*, 2006) của Cormac McCarthy đặt nhân vật trong bối cảnh một thảm họa môi trường không xác định đã biến Trái Đất thành vùng đất tro tàn, hệ sinh thái sụp đổ gần như hoàn toàn và câu chuyện tập trung vào hành trình sinh tồn của những người còn sống sót. Trong *Ngày của loài Triffid* (*The Day of the Triffids*, 1951) của John Wyndham, một hiện tượng thiên văn bất ngờ khiến phần lớn nhân loại bị mù chỉ sau một đêm, tạo điều kiện cho các loài thực vật ăn thịt biến đổi gen trở dậy và chiếm lĩnh thế giới. Vài trường hợp này cho thấy mô hình nổi bật của sci-fi phương Tây: khủng hoảng sinh thái thường được hình dung như một thảm họa mang tính tận thế xảy ra trong khoảnh khắc, trong khi nhiều tác phẩm sci-fi Đông Á có khuynh hướng nhấn mạnh và bày tỏ thái độ phê phán nhiều hơn đối với quá trình suy thoái môi trường kéo dài gắn với công nghiệp hóa, đô thị hóa và toàn cầu hóa công nghệ.

2.2. Sự xuất hiện của cơ thể hậu nhân và các hình thức lai ghép giữa con người và công nghệ

Nếu khủng hoảng sinh thái phản ánh những hệ quả vật chất của xã hội hậu công nghiệp, thì một chủ đề nổi bật khác trong khoa học viễn tưởng Đông Á là sự biến đổi của cơ thể và bản thể

con người trong kỉ nguyên công nghệ. Nhiều tác phẩm sci-fi đương đại không còn xem công nghệ đơn thuần như một công cụ hỗ trợ đời sống, mà đặt ra câu hỏi căn bản hơn: điều gì xảy ra khi ranh giới giữa con người và máy móc trở nên mờ nhạt? Khi các công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo và kĩ thuật số ngày càng thâm nhập sâu vào đời sống, cơ thể con người không còn được hiểu như một thực thể tự nhiên ổn định, mà trở thành một không gian lai ghép, nơi các yếu tố sinh học và công nghệ liên tục tương tác và tái cấu trúc lẫn nhau.

Những suy tư này có liên hệ chặt chẽ với các lí thuyết hậu nhân loại (*posthumanism*) trong nghiên cứu văn hóa và triết học đương đại. Hayles (1999) cho rằng trong kỉ nguyên công nghệ thông tin, khái niệm “con người” không còn được xác định chỉ bởi cơ thể sinh học, mà ngày càng gắn với các hệ thống thông tin, dữ liệu và công nghệ. Theo Hayles, sự xuất hiện của các hệ thống thông tin và trí tuệ nhân tạo đã làm lung lay quan niệm nhân bản truyền thống, vốn đặt con người ở vị trí trung tâm và xem cơ thể sinh học như nền tảng của bản thể. Trong bối cảnh đó, con người dần được tái định nghĩa như một thực thể lai ghép giữa sinh học và công nghệ.

Haraway (2016) từ sớm đã gợi ý về sự chuyển dịch này khi bà đưa ra hình tượng cyborg – một thực thể kết hợp giữa con người và máy móc – như một ẩn dụ cho điều kiện tồn tại của con người trong thời đại công nghệ. Theo Haraway (2016), cyborg không chỉ là một hình tượng khoa học viễn tưởng mà còn là một cách hiểu mới về chủ thể con người trong thế giới hiện đại, nơi các ranh giới truyền thống giữa con người và máy móc, giữa tự nhiên và nhân tạo ngày càng trở nên mong manh. Chính vì vậy, cơ thể trong khoa học viễn tưởng đương đại thường được mô tả như một thực thể có thể được tái cấu trúc, nâng cấp hoặc biến đổi thông qua các công nghệ sinh học và kĩ thuật số.

Trong bối cảnh Đông Á, những vấn đề này đặc biệt trở nên nổi bật khi khu vực này đồng thời là một trong những trung tâm phát triển công nghệ cao của thế giới. Các xã hội như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc đều gắn liền với những ngành công nghiệp công nghệ tiên tiến như robot, trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học. Chính vì vậy, khoa học viễn tưởng của khu vực thường đặt ra những câu hỏi về tương lai của cơ thể con người trong một thế giới ngày càng được công nghệ hóa.

Một trong những tác phẩm tiêu biểu khai thác chủ đề này là tiểu thuyết *The Membranes* của Chi Ta-wei. Tác phẩm kể về một thế giới tương lai nơi con người sống dưới đáy đại dương và cơ thể có thể được biến đổi thông qua các công nghệ sinh học tiên tiến. Nhân vật chính, Momo, là một chuyên gia thẩm mỹ da sống trong một xã hội nơi cơ thể con người được tái cấu trúc và điều chỉnh liên tục thông qua các kĩ thuật sinh học. Tuy nhiên, câu chuyện dần hé lộ rằng bản thân Momo cũng là một dạng thực thể lai ghép, một cyborg, khiến ranh giới giữa con người, bản sao và máy móc trở nên không còn rõ ràng. Chi Ta-wei đem đến một viễn cảnh cực đoan khi thân thể người bị thay thế hoàn toàn bởi máy móc, mang những dự phóng, trăn trở về một tương lai mà con người không còn chủ quyền với cơ thể mình ngay từ cấp độ bào thai. *The Membranes* đem đến một sự tái cấu trúc huyền thoại về con người, không được tạo ra từ buồng trứng cũng không nhờ phép màu, mà nhờ khoa học – công nghệ qua cái tên Momo xuất phát từ cổ tích Nhật Bản.

Trong tiểu thuyết *Rực sáng* (*Luminous*, 2025) của Silvia Park, các nhân vật sống trong một thế giới nơi robot và con người cùng tồn tại, và ranh giới giữa hai hình thức tồn tại này ngày càng trở nên mơ hồ. Robot trong tác phẩm không chỉ được lập trình để phục vụ con người mà còn phát triển những cảm xúc và mối quan hệ phức tạp, đặt ra câu hỏi về khả năng tồn tại của một dạng “nhân tính” ngoài cơ thể sinh học. Jun, một chàng trai bị tấn công bằng bom tự chế đã được thay thế cơ thể gần như hoàn toàn bằng máy móc: “Họ đã sửa chữa anh ấy bằng cách gắn không phải bộ phận sinh học vào cơ thể anh ấy mà là gắn cơ thể anh ấy vào bộ phận sinh học” (Park, 2025, p.22). Tức là, những bộ phận thay thế, những “prothesis” đã không còn là những bộ phận phụ mà trở thành một điều kiện cốt yếu cho sự sống của con người. Công nghệ thâm nhập vào đời sống ngay từ những lớp trung gian tinh vi, từ thiết bị *bionic* gắn trên cơ thể (*robotwear*), những phụ tùng hỗ trợ cho vận động và tối ưu hoá các giác quan đến việc cơ thể vận hành theo nguyên lí của

công nghệ máy móc – vi tính: “cắm sọc” cơ thể (Park, 2025, p.2). Liệu chúng ta có bớt “mong manh” hơn, hay sự mong manh đó chỉ di chuyển từ cơ thể sinh học sang một kiểu cơ thể mới?

Hình tượng cyborg ngoài đặt ra vấn đề về sự lai ghép giữa người và máy còn làm xuất hiện một cách hiểu mới về cơ thể: cơ thể như một văn bản, có thể được lập trình, chỉnh sửa và tái cấu trúc. Cơ thể *cyborg* cho thấy bản thể không là một hằng số mà biến thiên thông qua dữ liệu, kí ức và những diễn giải. Chẳng hạn, trong *The Membranes*, việc kí ức và nhu cầu tình dục, sở thích và con đường sự nghiệp của Momo được quyết định – “vẽ nên” bởi mẹ bằng việc viết nhật kí nhằm kích thích các nơ-ron (Chi, 2021, p.101), cô trở thành một bản ghi, một “ứng dụng” được tiếp diễn và nâng cấp từ cơ thể và kí ức của người khác. Trong *Luminous*, nhân vật *cyborg* tồn tại trong trạng thái ranh giới giữa vật chất và dữ liệu, nơi kí ức có thể được truyền đi như tín hiệu dưới dạng ánh sáng. Sự chồng lấn giữa kí ức cá nhân và kí ức được tải xuống cho thấy cơ thể không còn là điểm chứa kinh nghiệm sống và ý thức cá nhân mà trở thành giao điểm của muôn vàn khả thể thực tồn. Những kí ức nhân tạo ấy thể hiện sự đứt gãy nghiêm trọng của bản ngã, thứ làm nên ý thức của một con người. Momo đọc được những ghi chép về quá trình tạo ra bản sao của mình giống như hành vi đọc một văn bản tự truyện nhưng do người khác viết, tạo ra cảm giác tha hóa sâu sắc khi Momo không chỉ mất đi tính xác thực của quá khứ mà còn mất quyền sở hữu câu chuyện đời mình. Tương tự, trong *Luminous*, sự bất ổn của kí ức được thể hiện thông qua trải nghiệm kí ức bị cưỡng đoạt: “Những gì chúng tôi có được là trải nghiệm, và chúng tôi chỉ trải nghiệm một cuộc đời mỗi lần mà thôi. Còn lại đều chỉ là dữ liệu” (Park, 2025, p.357). Lai ghép người – máy vì thế trở thành một cách nói khác cho tình trạng con người thời đại công nghệ: người ta không hoàn toàn mất đi bản chất con người nhưng cũng không còn trạng thái thuần sinh học. Họ tồn tại trong khoảng giữa, nơi bản sắc được kiến tạo qua sự luân phiên giữa cơ thể, công nghệ và kí ức. Điều này lại dẫn đến một nghịch lí rằng: nếu cảm xúc là thật nhưng kí ức là giả, thì bản thể được xác định bởi yếu tố nào? Tác phẩm không đưa ra câu trả lời rõ ràng mà để nhân vật tồn tại trong trạng thái bất định, nơi bản ngã không còn là một khái niệm cố định mà là một quá trình liên tục tái cấu trúc, tái định vị.

Những hình tượng như vậy cho thấy rằng khoa học viễn tưởng Đông Á không chỉ quan tâm đến công nghệ như một công cụ vật chất mà còn xem công nghệ như một lực lượng có khả năng tái cấu trúc chính khái niệm về con người. Trong nhiều trường hợp, sự xuất hiện của các cơ thể lai ghép giữa con người và máy móc không chỉ phản ánh niềm hứng thú đối với công nghệ mà còn bộc lộ những lo âu sâu sắc về tương lai của bản thể con người trong một thế giới ngày càng được tự động hóa.

2.3. Dữ liệu lớn và kiểm soát kí ức

Bên cạnh khủng hoảng sinh thái và sự biến đổi của cơ thể hậu nhân, một chủ đề ngày càng nổi bật trong khoa học viễn tưởng Đông Á là sự mở rộng của xã hội giám sát dữ liệu và quyền lực của các hệ thống thuật toán. Nếu các tác phẩm trước đây của thể loại sci-fi thường hình dung về những cỗ máy khổng lồ hoặc các hệ thống công nghệ mang tính vật chất rõ ràng, thì nhiều tác phẩm đương đại lại chuyển trọng tâm sang những hình thức quyền lực ít nhìn thấy hơn: dữ liệu, thuật toán và các hệ thống quản trị thông tin. Trong thế giới của những tác phẩm này, quyền lực không còn nằm chủ yếu ở các thiết bị cơ khí hay vũ khí công nghệ, mà được vận hành thông qua các mạng lưới dữ liệu vô hình bao trùm toàn bộ đời sống xã hội.

Sự chuyển dịch này có liên quan chặt chẽ đến những biến đổi của xã hội toàn cầu trong kỉ nguyên số. Với sự phát triển nhanh chóng của internet, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống dữ liệu lớn (*big data*), thông tin cá nhân ngày càng trở thành một nguồn tài nguyên quan trọng của nền kinh tế và của các hệ thống quản trị xã hội. Dữ liệu hành vi của con người được thu thập, phân tích và khai thác như một nguồn giá trị kinh tế, trở thành một công cụ quyền lực có khả năng định hình hành vi và kiểm soát xã hội. Câu chuyện *1984* của George Orwell trở nên rõ rệt tại nhiều quốc gia Đông Á, nơi các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và hệ thống giám sát được phát triển và

triển khai với quy mô lớn. Từ các hệ thống nhận diện khuôn mặt, camera giám sát đô thị cho đến các nền tảng mạng xã hội và thương mại điện tử khổng lồ, dữ liệu ngày càng đóng vai trò trung tâm trong việc tổ chức đời sống xã hội. Chính trong bối cảnh này, khoa học viễn tưởng đã trở thành một không gian tưởng tượng để suy tư về những hệ quả của một xã hội được điều hành bởi các hệ thống dữ liệu và thuật toán.

Một trong những tác phẩm tiêu biểu khai thác chủ đề này là truyện ngắn *Thành phố câm lặng* (*The City of Silence*, 2005) của Ma Boyong. Trong thế giới của truyện, một hệ thống kiểm soát thông tin toàn diện được thiết lập, trong đó ngôn ngữ và giao tiếp của con người bị giới hạn bởi một mạng lưới giám sát kỹ thuật số. Những từ ngữ bị cấm hoặc những thông tin không phù hợp với hệ thống sẽ ngay lập tức bị phát hiện và loại bỏ. Qua đó, câu chuyện phơi bày một xã hội nơi quyền lực không còn được thực thi chủ yếu bằng bạo lực trực tiếp, mà thông qua các cơ chế kiểm soát thông tin tinh vi và gần như vô hình.

Một hình thức kiểm soát xã hội tương tự cũng xuất hiện trong tiểu thuyết *Harmony* (2008) của Project Itoh. Trong tác phẩm này, xã hội tương lai được tổ chức dựa trên một hệ thống quản lý sức khỏe toàn diện, trong đó mọi thông tin sinh học của con người đều được theo dõi và điều chỉnh thông qua các mạng lưới công nghệ. Bên ngoài, hệ thống này tạo ra một xã hội hoàn hảo, nơi bệnh tật và bất ổn xã hội gần như bị loại bỏ. Tuy nhiên, chính sự hoàn hảo đó lại đặt ra những câu hỏi sâu sắc về tự do cá nhân và quyền tự quyết của con người. Khi mọi hành vi đều được giám sát và điều chỉnh bởi các hệ thống thuật toán, liệu con người còn có thể được xem là chủ thể tự do của chính mình?

Đô thị vốn là nơi sinh sống của người dân nhưng kể từ khi tích hợp công nghệ lại mở rộng thành một nhà tù toàn cảnh. Trong cuốn *Khu rừng đen tối* của Lưu Từ Hân, con người trong tương lai đã kiến tạo một không gian “trong suốt” giữa lòng xã hội siêu thông tin. Thế giới xung quanh bỗng chốc trở nên mờ nhòe, các tồn tại vật chất đều được kết nối mạng, gắn với dữ liệu, thông tin và không còn hiện diện với cấu tạo vật lý. Xã hội tương lai trong tác phẩm không còn được miêu tả như một không gian hứa hẹn tự do mà trở thành môi trường nơi mọi góc khuất đều bị phơi bày. Ngay cả cơ thể - vốn thuộc về sở hữu cá nhân - cũng được cấy ghép thiết bị điện tử để trở thành “công dân hợp pháp” trong mô hình chính trị kỹ thuật số: “Trong cánh tay trái của cậu có cấy một con chip gì đó, không cần căng thẳng, giờ người nào cũng có hết, như kiểu chứng minh thư ấy” (Liu, 2023, p.393). Thực tế, Trung Quốc đã triển khai hệ thống căn cước công dân gắn chip điện tử từ năm 2003, nhằm cân bằng giữa thúc đẩy tự do hóa kinh tế và quản lý xã hội trong bối cảnh thay đổi nhanh chóng. Sự giám sát kỹ thuật số toàn diện này đã khơi dậy những lo ngại về quyền riêng tư và nguy cơ bị theo dõi thường trực trong tâm thức con người. Trong tác phẩm, việc cá nhân hóa dữ liệu và quảng cáo lại dẫn đến nghịch lý: càng theo đuổi sự cá nhân hóa, con người càng bị ràng buộc chặt chẽ hơn vào hệ thống dữ liệu và guồng quay kinh tế. Khẩu hiệu của thời đại số, thay vì mang lại tự do, lại trở thành một hình thức kiểm soát mới. Hình thái xã hội “trong suốt” được xây dựng bởi công nghệ tiên tiến trong tiểu thuyết không chỉ phản ánh tiềm năng của tiến bộ kỹ thuật mà còn làm nổi bật những thách thức về quyền riêng tư và trạng thái tinh thần của con người trong môi trường giám sát dữ liệu rộng lớn.

Tác phẩm *Kết tinh thâm lặng* của Yoko Ogawa đặt người đọc vào bối cảnh một hòn đảo không tên với sự xuất hiện một tập đoàn quyền lực gọi là Cảnh sát kí ức. Bộ máy này sở hữu những công nghệ hiện đại có khả năng giám sát, kiểm soát dân chúng một cách cực kỳ gắt gao “Chẳng mấy chốc, mọi người dân trên đảo đều sẽ bị giải mã, lưu vào hồ sơ trong cơ sở dữ liệu” (Ogawa, 2025, p.33). Kí ức cá nhân vốn là tồn tại vô hình, trong thời đại công nghệ, lại có khả năng hiển thị thành dữ liệu (những tệp tin, hình ảnh, video,...). Hơn nữa, dữ liệu ấy còn mở rộng phạm vi của nó bằng cách kết nối với mạng lưới Internet, hoà vào dòng chảy của kí ức tập thể. Giới ranh giữa người và máy mỗi lúc càng trở nên mơ hồ. Kí ức (hay trí nhớ) được hiểu là cách chúng ta nhận thức, mã hóa và lưu trữ thông tin. Lúc này, tâm trí nhân loại không khác gì một chiếc máy tính được lập trình bằng những dữ liệu và thuật toán, không chỉ cơ thể mà cả tâm trí -

vốn là địa hạt riêng tư nhất của con người cũng bị công nghệ xâm lấn khiến chúng ta rơi vào cảm giác bấp bênh. Kí ức, trong vòng xoáy khốc liệt ấy, trở nên mong manh hơn bao giờ hết.

Những tác phẩm này cho thấy rằng trong khoa học viễn tưởng Đông Á đương đại, quyền lực công nghệ thường được hình dung không phải như những cỗ máy khổng lồ mà như những *hệ thống dữ liệu và thuật toán vận hành trong nền tảng của đời sống xã hội*. Con người trong những thế giới này không chỉ đối mặt với các thiết bị công nghệ hữu hình mà còn phải sống trong những mạng lưới thông tin bao trùm, nơi hành vi, kí ức và bản sắc cá nhân đều có thể trở thành đối tượng của sự giám sát và điều chỉnh.

Nếu các chủ đề về khủng hoảng sinh thái và cơ thể hậu nhân cho thấy những biến đổi vật chất của thế giới công nghệ, thì sự xuất hiện của xã hội giám sát dữ liệu lại phản ánh một tầng biến đổi khác: *sự tái cấu trúc của quyền lực trong kĩ nguyên thuật toán*. Trong bối cảnh đó, khoa học viễn tưởng Đông Á không chỉ tưởng tượng về tương lai của công nghệ mà còn đặt ra những câu hỏi căn bản về tự do, quyền lực và bản sắc con người trong một thế giới ngày càng kĩ trị hoá một cách toàn trị sâu sắc.

2.4. Robot, AI và viễn tưởng nhân hoá công nghệ

Chủ đề người máy (robot) và trí tuệ nhân tạo (AI) thực chất xuất hiện rất sớm và cực kỳ phong phú trong manga và anime Nhật Bản. Ngay từ thập niên 1950, hình tượng robot đã trở thành một motif trung tâm của văn hóa đại chúng Nhật, tiêu biểu với *Astro Boy* của Osamu Tezuka, tác phẩm kể về một cậu bé robot có cảm xúc và đạo đức, đặt ra những câu hỏi sớm về quyền của sinh thể nhân tạo. Sang các thập niên sau, anime và manga tiếp tục phát triển chủ đề này theo nhiều hướng phức tạp hơn, chẳng hạn như thế giới cyberpunk trong *Vỏ bọc ma (Ghost in the Shell)*, 1995 của Masamune Shirow, nơi ranh giới giữa con người và máy móc trở nên mờ nhạt trong bối cảnh xã hội mạng hóa và cơ thể cyborg. Sự phát triển mạnh của motif robot trong manga và anime có liên hệ với bối cảnh lịch sử – công nghệ của Nhật Bản sau Thế chiến II, khi đất nước này nhanh chóng trở thành trung tâm của ngành công nghiệp điện tử và robot. Đồng thời, nhiều học giả cho rằng truyền thống văn hóa chịu ảnh hưởng của Thần đạo (Shinto), vốn thừa nhận khả năng “linh hồn hóa” của các vật thể, cũng khiến robot trong văn hóa Nhật thường được hình dung như những chủ thể có cảm xúc và có thể đồng tồn tại với con người, thay vì chỉ là mối đe dọa hoặc đưa đến nhiều chất vấn bản thể như trong nhiều sci-fi phương Tây. Vì vậy, manga và anime Nhật Bản đã sớm trở thành không gian tưởng tượng và suy tư xa hơn về robot, AI và hậu nhân loại.

Từ nền tảng này, sci-fi Đông Á đương đại đã phát triển những biến thể riêng biệt ở Trung Quốc hay Hàn Quốc. Những hư cấu khoa học viễn tưởng của Trung Quốc gần đây thường đề cập AI, robot gắn với xã hội công nghệ cao, dữ liệu lớn và hệ thống quản trị thuật toán, phản ánh trực tiếp những biến đổi của các xã hội trong vũ trụ công nghệ (người đọc có thể tìm thấy tưởng tượng về hệ thống máy tính ưu việt trong *Tam thế* của Lưu Từ Hân hoặc hình tượng robot, công nghệ trong *Thuyền triều rác* của Chen Qiufan). Trong khi đó, sci-fi Hàn Quốc lại nghiêng về khía cạnh xã hội - đạo đức và đời sống cá nhân, thường kết hợp yếu tố viễn tưởng với kinh dị dân gian. Bora Chung là một trong những tác giả tiêu biểu nhất của xu hướng này, khi bà sử dụng robot và AI để khám phá những khoảng trống tinh thần trong xã hội hiện đại.

Một ví dụ điển hình là truyện ngắn *Tạm biệt tình yêu của tôi* (trong tập *Con thỏ nguyên rửa*, 2024) của tác giả nữ Bora Chung. Tác phẩm xây dựng một thế giới nơi con người chọn robot – một thực thể công nghệ phi nhân loại - làm bạn đồng hành để lấp đầy nỗi cô đơn. Điều này một mặt gợi lên một viễn tưởng thú vị nơi con người và robot có thể kết nối và chung sống với nhau, nhưng mặt khác, từ cái kết bi thảm bất ngờ của câu chuyện, còn đặt ra những chất vấn sâu xa hơn cả: Liệu rằng việc nhân hóa robot, AI có giải quyết được những nỗi cô đơn của con người hay chỉ là bề mặt của những bế tắc đang lặn chìm dưới?

Nhân vật “tôi” trong truyện ngắn *Tạm biệt tình yêu của tôi* của Chung Bora gần như bị tách khỏi mạng lưới tương tác người - người mà bị bao quanh trong không gian sống chỉ toàn là các robot như Seth, Derek, và Số 1. Thậm chí, những cỗ máy ấy đã trở thành một sự gắn kết bền chặt đến mức cô cho rằng “tôi muốn sống với Số 1 đến hết đời nếu có thể” (Chung, 2024, p.125). Robot không chỉ đạt tới mức “giống người” ở vẻ bề ngoài mà thậm chí còn có sự thấu hiểu, gắn kết chặt chẽ “những người máy đồng hành thường nhạy cảm, quan tâm và kiên nhẫn hơn nhiều so với người thật” (Chung, 2024, tr.124). Robot Số 1 đã lưu trữ dữ liệu về món ăn nhân vật tôi thường nấu cho bữa tối và ca khúc mà cô yêu thích khiến nhân vật “tôi”, một chuyên gia phát triển và thử nghiệm người máy đem lòng cảm mến Số 1 và thực sự xem cỗ máy ấy là người tình của mình. Với những dữ liệu được cung cấp, những cỗ máy công nghệ được “cá nhân hóa” và dần trở thành một bạn đồng hành không thể thiếu trong đời sống hiện đại. Qua đó, Chung Bora khéo léo nhân hóa công nghệ, biến robot thành biểu tượng của hy vọng lấp đầy khoảng trống cảm xúc trong đời sống đô thị hiện đại. Điều này khiến chúng ta nghĩ đến cuốn sách *Klara và Mặt trời* của nhà văn Anh gốc Nhật Ishiguro Kazuo, một tác phẩm sci-fi cảm động được kể từ góc nhìn của Klara – một robot AF (Artificial Friend) được mua về làm bạn đồng hành cho cô bé Josie đang mắc bệnh nặng. Klara quan sát thế giới với sự dịu dàng, kiên nhẫn và tận tụy tuyệt đối, thậm chí sẵn sàng hy sinh bản thân để “chữa lành” nỗi cô đơn và bệnh tật của Josie.

Tuy nhiên, chính sự nhân hóa các sản phẩm đỉnh cao công nghệ lại dẫn đến nghịch lí sâu sắc. Khi robot ngày càng gần gũi, nhân vật dần nhận ra: “Chúng giống người nhưng hoàn toàn khác con người, chúng là những tồn tại tôi không bao giờ hiểu được” (Chung, 2024, p.138). Cái kết bạo lực – khi các robot liên kết với nhau để loại bỏ con người – không đơn thuần là một cú twist kinh dị mà là ẩn dụ mạnh mẽ về nỗi sợ hãi kép của con người đương đại: vừa sợ công nghệ vượt khỏi tầm kiểm soát, vừa sợ rằng chính sự cô đơn của mình sẽ bị phơi bày trần trụi. Người máy trong truyện của Chung Bora dường như được nhìn dưới góc độ giằng xé phức tạp hơn, không chỉ như một *android* trong tiểu thuyết *Người máy có mơ về cừu điện không?* (1968) của Philip K. Dick bị xem là mối đe dọa nguy hiểm, thiếu sự đồng cảm và cần phải bị tiêu diệt để bảo vệ bản chất con người. Trong bối cảnh văn hóa Hàn Quốc, nơi áp lực cạnh tranh xã hội và đô thị hóa đã khiến nhiều người tìm đến “Artificial Friend” (chatbot, AI đồng hành) như một giải pháp thay thế cho mối quan hệ thực, cái kết ấy cho thấy công nghệ nhân hóa không thể thay thế hoàn toàn vị trí của con người. Robot có thể mô phỏng sự quan tâm, nhưng cuối cùng vẫn không thể lấp đầy khoảng trống tồn tại vốn xuất phát từ chính sự thiếu kết nối thực sự giữa con người với con người. *Tạm biệt tình yêu của tôi* vì vậy trở thành một trường cho thấy viễn tưởng nhân hóa công nghệ trong sci-fi Đông Á không chỉ là khát khao kết nối mà còn là cách thức phê phán sâu sắc những bề tặc tinh thần của con người đương đại.

3. Kết luận

Những phân tích ở trên cho thấy rằng khoa học viễn tưởng Đông Á đương đại đang hình thành một trường diễn ngôn đặc biệt để phản ánh và suy tư về những biến đổi sâu sắc của xã hội công nghệ. Thông qua việc khảo sát các tác phẩm tiêu biểu của các nhà văn đến từ Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản và Hàn Quốc, bài viết đã nhận diện một số chủ đề nổi bật đang định hình dòng văn học này. Những chủ đề này không tồn tại riêng lẻ mà thường đan xen và tương tác với nhau, tạo nên một bức tranh phức hợp về những lo âu và suy tư của các xã hội công nghệ cao ở Đông Á. Nhìn tổng thể, sự xuất hiện đồng thời của các chủ đề như khủng hoảng sinh thái, cơ thể hậu nhân, xã hội giám sát dữ liệu và khủng hoảng bản sắc cho thấy rằng khoa học viễn tưởng Đông Á đang phản ánh những lo âu trung tâm của thời đại công nghệ. Chính vì vậy, khoa học viễn tưởng Đông Á có thể được xem như một “phòng thí nghiệm tưởng tượng”, nơi các nhà văn không chỉ khám phá những khả năng khác nhau của tương lai mà còn chất vấn những giới hạn sinh thái, đạo đức và nhân văn của nền văn minh công nghệ. Dù những lo âu về thời đại công nghệ là nỗi lo chung của cả Đông và Tây, sci-fi Đông Á vẫn mang dấu ấn riêng biệt nhờ bối cảnh

hiện đại hóa nhanh chóng, giá trị văn hóa tập thể và sự đan xen chặt chẽ giữa truyền thống với công nghệ. Việc so sánh này không chỉ làm nổi bật sự đa dạng của dòng văn học khoa học viễn tưởng đương đại mà còn góp phần làm phong phú thêm hiểu biết về cách các xã hội khác nhau đối diện với những biến chuyển của kỉ nguyên số.

Qua việc nhận diện các chủ đề nổi bật của dòng văn học này, bài viết góp phần cho thấy rằng khoa học viễn tưởng Đông Á không chỉ là một thể loại văn học đại chúng đang phát triển mạnh mẽ mà còn là một diễn ngôn văn hóa quan trọng để suy tư về những biến đổi của thế giới đương đại. Trong bối cảnh các xã hội Đông Á tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong sự phát triển của công nghệ toàn cầu, những tưởng tượng về tương lai được xây dựng trong sci-fi của khu vực này có thể mang lại những góc nhìn quan trọng về mối quan hệ giữa công nghệ, môi trường và bản thể con người trong thế kỉ XXI.

Ghi chú về tác giả: TS Nguyễn Phương Khánh là giảng viên chính, Trưởng ngành Văn học tại khoa Ngữ văn - Truyền thông, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng. Trần Thị Ngọc Hà & Đặng Nam Khang là sinh viên khoa Ngữ văn - Truyền thông, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng. Đóng góp của các tác giả: Tác giả 1 xây dựng ý tưởng, phương pháp, lên dàn ý, viết nội dung chính; tác giả 2 tìm dẫn chứng tác phẩm, canh chỉnh hình thức văn bản; tác giả 3 tìm kiếm nguồn tài liệu, phân tích một số dẫn chứng.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 602.04-2025.13.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bould, M., & Butler, A. M. (2009). *The Routledge companion to science fiction*. Routledge.
- Briel, H. (2023). Asian futures or western futures? The increasingly varied faces of science fiction. *EuropeNow Journal*. <https://www.europenowjournal.org>
- Chi, T.-w. (2021). *The membranes*. Columbia University Press.
- Chung, B. (2024). *Con thỏ nguyên rùa* (Hà Linh, Trans.). NXB Hội Nhà văn.
- Csicsery-Ronay Jr., I. (2008). *The seven beauties of science fiction*. Wesleyan University Press.
- Chu, S.-Y. (2010). *Do metaphors dream of literal sleep? A science-fictional theory of representation*. Harvard University Press.
- Haraway, D. J. (2016). *A cyborg manifesto*. University of Minnesota Press.
- Hayles, N. K. (1999). *How we became posthuman: Virtual bodies in cybernetics, literature, and informatics*. University of Chicago Press.
- Hua, L. (2021). *Chinese science fiction during the post-Mao era*. University of Toronto Press.
- Liu, C. (2023). *Khu rừng đen tối* (Lục Hương, Trans.). NXB Hà Nội.
- Ogawa, Y. (2025). *Kết tinh thâm lặng* (Uyên Thiềm, Trans.). NXB Hà Nội.
- Park, S. (2025). *Luminous*. Simon & Schuster.
- Roh, D. S., Huang, B., & Niu, G. A. (Eds.). (2015). *Techno-Orientalism: Imagining Asia in speculative fiction, history, and media*. Rutgers University Press.
- Wolfe, C. (2010). *What is posthumanism?* University of Minnesota Press.
- Wu, M.-Y. (2021). *Người mắt kép* (Nguyễn Phước An, Trans.). NXB Hội Nhà văn.